

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Lâm nghiệp ; Chuyên ngành: Lâm học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **BÙI MẠNH HƯNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 03/03/1981 ; Nam ; Nữ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 48, Tổ 7, khu Tân Xuân, Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Bùi Mạnh Hưng, Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm học, Trường Đại học Lâm nghiệp, Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

Điện thoại di động: 0981311211; E-mail: hungbm@vnuf.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 9/2003 đến 6/2004: Giảng viên tập sự tại Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm học, Trường Đại học Lâm nghiệp.

- Từ 7/2004 đến 12/2008: Giảng viên tại Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm học, Trường Đại học Lâm nghiệp.

- Từ 1/2009 đến tháng 3/2011: Học cao học Lâm nghiệp tại trường Đại học Quốc gia Úc (ANU), Canberra, Úc.

- Từ 4/2011 đến 12/2013: Giảng viên tại Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm học, Trường Đại học Lâm nghiệp.

- Từ 1/2014 đến 12/2016: Nghiên cứu sinh tại Bộ môn Lâm học, Viện Lâm học và bảo vệ rừng, Khoa Môi trường, Trường Đại học tổng hợp Dresden, Đức.

- Từ 1/2017 đến 11/2017: Giảng viên tại Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm học, Trường Đại học Lâm nghiệp.

- Từ 12/2017 đến 5/2018: Phòng Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Lâm nghiệp. Giảng viên kiêm giảng Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm học, trường Đại học Lâm nghiệp.

- Từ 6/2018 đến 9/2019: Ban Tạp chí khoa học và Website, Trường Đại học Lâm nghiệp. Giảng viên kiêm giảng Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm học, trường Đại học Lâm nghiệp.

- Từ 10/2019 đến nay: Giảng viên tại Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm học, Trường Đại học Lâm nghiệp.

Chức vụ: Hiện nay: Không; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Khoa.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm học, Trường Đại học Lâm nghiệp.

Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Điều tra Quy hoạch rừng, Khoa Lâm học, Trường Đại học Lâm nghiệp, Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02433840628

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 26 tháng 6 năm 2003; số văn bằng: 386075; ngành: Lâm học, chuyên ngành: Điều tra Quy hoạch rừng; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 7 năm 2011; số văn bằng: 108995; ngành: Lâm nghiệp; chuyên ngành: Không; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Quốc gia Úc, Úc.

- Được cấp bằng TS ngày 2 tháng 12 năm 2016; số văn bằng: Không có; ngành: Khoa học Lâm nghiệp; chuyên ngành: Không; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học tổng hợp Dresden, Đức.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa bổ nhiệm.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Lâm nghiệp.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp – Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(I) Nghiên cứu cấu trúc các rừng và các hệ sinh thái phục vụ quản lý rừng bền vững.

(II) Nghiên cứu ứng dụng hệ thống các công cụ để phân tích số liệu nghiên cứu.

(III) Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: **10** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **05** đề tài cấp cơ sở (Vai trò: Chủ nhiệm); **04** đề tài Quỹ quốc tế (Vai trò: Chủ nhiệm); **01** đề tài cấp Nhà nước (Vai trò: Thành viên chính); **04** đề tài cấp Tỉnh (Vai trò: Thành viên chính); **01** đề tài cấp Bộ (Vai trò: Thành viên chính).

- Đang chủ trì **01** đề tài cấp cơ sở, **01** cuốn sách tham khảo và tham gia đề tài, dự án các cấp.

- Đã công bố: **56** bài báo khoa học, trong đó **07** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín. Trong 7 bài báo quốc tế có **04** bài là tác giả chính (đăng trên các tạp chí ISI) và đăng sau khi có bằng tiến sĩ.

- Số lượng sách đã xuất bản là **02**;

15. Khen thưởng: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

a. Tiêu chuẩn của nhà giáo

Tôi nhận thấy bản thân đáp ứng tốt các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo và đạo đức nghề nghiệp của một giảng viên đại học trong các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, nhận được sự tin tưởng của người học và của đồng nghiệp. Bên cạnh đó, tôi thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kỹ năng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thông qua các lớp bồi dưỡng, sinh hoạt học thuật và hội thảo khoa học.

b. Nhiệm vụ của nhà giáo

Hàng năm, tôi luôn hoàn thành và hoàn thành vượt định mức giảng dạy và nghiên cứu khoa học, hoàn thành tốt các nhiệm vụ khác được giao. Chất lượng giảng dạy được đồng nghiệp và người học đánh giá tốt.

Tham gia công tác rà soát, xây dựng và phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên (chương trình tiên tiến) cho các môn học phụ trách, ngành Lâm học (bậc Đại học), Lâm học ứng dụng (bậc Thạc sỹ), Lâm học nhiệt đới.

Tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học; hướng dẫn sinh viên và học viên trong và ngoài nước thực hiện khóa luận và luận văn tốt nghiệp, tham gia đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Tham gia công tác nghiên cứu khoa học thông qua chủ trì và tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và xuất bản các bài báo và sách tham khảo chuyên ngành. Tham gia hoạt động tập huấn và chuyển giao kiến thức chuyên ngành cho các cá nhân và tổ chức trong và ngoài lĩnh vực lâm nghiệp.

Tham gia và thúc đẩy hợp tác quốc tế giữa Bộ môn, Khoa và các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước như: WWF, DAAD, GIZ, ICRAF ... và các trường đại học khác như: Đại học Tổng hợp Dresden - CHLB Đức, Đại học Quốc gia Úc, Đại học Kasetsart - Thái Lan, Đại học

Valladolid - Tây Ban Nha, Đại học công nghệ bang Volga - Liên bang Nga thông qua các hoạt động hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, đồng hướng dẫn học viên cao học và cùng xuất bản các bài báo khoa học ...

Tham gia các buổi sinh hoạt học thuật chuyên môn, hội thảo khoa học, thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ khác mà Bộ môn, Khoa và Nhà trường giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm 9 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018	-	-	01	05	180	45	225/414/112
2	2018-2019	-	-	06	-	45	120	165/361/84
3	2019-2020	-	-	02	-	65	45	110/146/84
03 năm học cuối								
4	2020-2021	-	-	01	01	45	105	150/255/210
5	2021-2022	-	-	-	01	135	-	135/221/210
6	2022-2023	-	-	-	01	105	90	195/385/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn ThS tại nước: Úc năm 2011

- Bảo vệ luận án TS tại nước: Đức năm 2016

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh cho các môn “Introductory statistics”, “Specialized English”, “Natural resource ecology and measurement”, “Elementary Survey Sampling” cho chương trình tiên tiến bậc đại học ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên; môn “Statistical data analysis in Forestry” và môn “Mini project” cho cao học ngành Lâm học nhiệt đới.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Lâm nghiệp.

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh cho học phần “Biomass and carbon stocks” thuộc khóa học mùa hè “Sustainable Management at Tropical Mountain Forest in Indonesia” cho sinh viên và học viên các nước khác nhau gồm: Indonesia, Nhật Bản, Myanmar, Philippines...

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Lâm học, trường Đại học Gadjah Mada, Indonesia.

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh cho học phần “Biomass and carbon stocks” thuộc khóa học mùa hè “Climate change adaptation and mitigation strategies in Forestry sector” cho sinh viên và học viên các nước khác nhau gồm: Indonesia, Nhật Bản, Myanmar, Philippines...

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Lâm học, trường Đại học Gadjah Mada, Indonesia.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ quốc tế IELTS 6,5 cấp năm 2008

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV CH	Chính	Phụ			
1	Jeisson Rodriguez Valenzuela		X		X	11/2017 - 12/2017	ĐH Công nghệ Dresden, CHLB Đức	19/12/2017
2	Julian Schmid		X		X	5/2018 - 11/2018	ĐH Công nghệ Dresden, CHLB Đức	19/11/2018
3	Francesco Blardoni		X		X	11/2017 - 11/2018	ĐH Công nghệ Dresden, CHLB Đức	05/11/2018
4	Myo Min Thant		X	X		4/2018 - 11/2018	ĐH Lâm nghiệp	Số 2581/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 23/11/2018
5	Khot Chesda		X	X		4/2018 - 11/2019	ĐH Lâm nghiệp	Số 2581/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 23/11/2018
6	Bùi Thanh Việt		X	X		11/2018 - 8/2019	ĐH Lâm nghiệp	Số 1671/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 19/8/2019
7	Thin Zar Tun		X	X		02/2019 - 11/2019	ĐH Lâm nghiệp	Số 2508/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 26/11/2019
8	Yusif Habib		X		X	12/2018 - 6/2019	ĐH Valladolid, Tây Ban Nha	19/7/2019

9	Nguyễn Văn Chính		X	X		6/2019 - 12/2019	ĐH Lâm nghiệp	Số 2748/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 30/12/2019
10	Bùi Thị Hải Hà		X	X		11/2019-12/2020	ĐH Lâm nghiệp	Số 2511/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 31/12/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Phân tích số liệu nghiên cứu lâm nghiệp sử dụng Stata	TK	Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật	1	x	Toàn bộ	Số 56/GCN-ĐHLN-ĐT ngày 09/6/2023
2	Điều tra, giám sát tài nguyên rừng bằng ứng dụng di động	TK	Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật	2	x	1-86; 96-149	Số 56/GCN-ĐHLN-ĐT ngày 09/6/2023

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS (02/12/2016)				
1	Xây dựng bộ công cụ Toolbox để phân tích số liệu nghiên cứu lâm nghiệp.	CN	Cấp Trường	3/2011 – 12/2011	29/12/2011 Xếp loại Xuất sắc

II	Sau khi được công nhận TS (02/12/2016)				
2	Nghiên cứu khai thác, ứng dụng phần mềm Stata trong phân tích số liệu nghiên cứu lâm nghiệp.	CN	Cấp cơ sở	4/2012 – 12/2012	07/12/2012 Xếp loại Giỏi
3	Phân tích đơn biến và đa biến số liệu lâm nghiệp bằng SAS.	CN	Cấp cơ sở	5/2017–12/2017	12/2017 Xếp loại Giỏi
4	Nghiên cứu ứng dụng QGIS để quản lý tài nguyên rừng và giảm nhẹ thiên tai	CN	Cấp cơ sở	4/2018–12/2018	14/12/2018 Xếp loại Giỏi
5	Nghiên cứu điều tra, giám sát tài nguyên rừng bằng ứng dụng di động	CN	Cấp cơ sở	3/2022–12/2022	21/12/2022 Xếp loại Giỏi
6	Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát sự thay đổi diện tích rừng và đất lâm nghiệp bằng công nghệ viễn thám, phục vụ phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Bắc Giang	Thành viên chính	Tỉnh	02/2018 - 4/2021	08/4/2021
7	Nghiên cứu tính đa dạng, giá trị sử dụng và khoa học các loài thuộc họ Hồ đào (Juglandaceae) ở Việt Nam	Thành viên chính	Nhà nước	11/2018 – 01/2023	19/01/2023
8	Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ cao trong quản lý, giám sát sự thay đổi rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Quảng Trị	Thành viên chính	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Trị	10/2019 – 12/2019	27/12/2019
9	Công trình xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Thành viên chính	Tỉnh Đắk Nông	01/2019 – 12/2019	17/12/2019
10	Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và giám sát lửa rừng trên địa bàn TP Hà Nội	Thành viên chính	Thành phố Hà Nội	6/2019 – 12/2019	19/12/2019
11	Điều tra, đánh giá các tiêu chí đa dạng sinh học; thành lập 02 khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Thành viên chính	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông	6/2020 – 9/2021	15/9/ 2021

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS (02/12/2016)							
1	Cấu trúc lệnh và thuật toán xây dựng các công cụ phục vụ công tác phân tích cấu trúc rừng	2	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN: 0866-7020			11/2011 (151-155)	11/2011
2	Nghiên cứu một số đặc điểm cấu trúc tầng cây cao rừng Dẻ anh (<i>Castanopsis piriformis</i>) tại Lâm Đồng	5		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN: 0866-7020			21/2011 (91-95)	11/2011
3	SPSS- Lời giải cho một số vấn đề phân tích số liệu Lâm nghiệp	2		Thông tin Khoa học Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			01/2012 (26-30)	1/2012
4	Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ để phân tích số liệu nghiên cứu Lâm nghiệp	2		Thông tin Khoa học Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			02/2012 (3-13)	5/2012
5	Xây dựng hệ số ngoại suy sinh khối cho một số loài cây rừng trồng chủ yếu ở Việt Nam	3		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN: 0866-7020			19/2012 (91-95)	11/2012
6	Stata – giải pháp mới cho phân tích số liệu nghiên cứu lâm nghiệp	2	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			3/2013 (128-132)	9/2013
II	Sau khi được công nhận TS (02/12/2016)							
7	Applying linear mixed model (LMM) to analyze forestry data, checking autocorrelation and random effects, using R	2	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			2/2017 (17-26)	3/2017
8	Dự báo sinh trưởng của cây gỗ trong thảm thực vật trên núi đá vôi tại Cẩm Phả, Quảng Ninh	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			4/2017 (54-63)	6/2017
9	Biến động cấu trúc và chất lượng tầng cây cao	2	x	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. ISSN:			3/2017	9/2017

	rừng tự nhiên tại vườn quốc gia Kon Ka Kinh, Gia Lai			1859-0373			(85-96)	
10	Spatial distribution of overstorey trees analyzed by replicated point patter method in R	2	x	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. ISSN: 1859-0373			3/2017 (105-115)	10/2017
11	Các phương pháp phân tích thống kê đa biến số liệu nghiên cứu lâm nghiệp bằng SAS	1	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			1/2017 (43-52)	9/2017
12	Biến động đa dạng sinh học và quan hệ sinh thái loài trong rừng tự nhiên tại vườn quốc gia Kon Ka Kinh, Gia Lai	2	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN: 1859-4581			7/2018 (143-149)	3/2018
13	Structure of tropical forest ecosystem: history and development - a review	1	x	Journal of Forest Science and Technology. ISSN: 1859-3828			2/2017 (44-54)	10/2017
14	Một số đặc điểm lâm học loài cây Vấp (<i>Mesua ferrea</i> L.) tại huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm đồng	3		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN: 1859-4581			3/2018 (31-40)	3/2018
15	Relationships and spatial distribution of species in North Zamari reserve forest, Thayarwaddy, Myanmar	2		Journal of Forest Science and Technology. ISSN: 1859-3828			2/2018 (55-64)	4/2018
16	Phân bố không gian và quan hệ loài rừng tự nhiên tại Na Hang, Tuyên Quang	2	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN: 1859-4581			8/2018 (135-142)	3/2018
17	Variations of soil chemical properties at different horizons under natural forest canopy in Kon Ka Kinh national park, Gia Lai	2		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. ISSN: 1859-0373			1/2018 (83-92)	3/2018
18	Univariate, multivariate and permutational analysis of variance methods for forestry data by using	1	x	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. ISSN: 1859-0373			1/2018 (93-103)	3/2018

	R							
19	Cấu trúc, chất lượng và đa dạng thực vật thân gỗ giữa các thảm thực vật, Vườn quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển. ISSN: 1859-1523			4/2018 (35-43)	4/2018
20	Nghiên cứu biến động cấu trúc và chất lượng rừng trồng sa mộc theo tuổi tại huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			4/2018 (22-31)	8/2018
21	Cấu trúc chất lượng và đa dạng sinh học rừng tự nhiên tại Vườn quốc gia Ba Bể, Bắc Kạn	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN: 1859-4581			15/2018 (108-115)	7/2018
22	Forest cover change using multi-temporal remote sensing images in Phnom Tamao zoological park, Cambodia	2		Journal of Forest Science and Technology. ISSN: 1859-3828			5/2018 (25-32)	9/2018
23	Community characteristics and contribution level of agro-forestry activities on income of households in Ba Vi commune, Ba Vi, Hanoi	3	x	Journal of Forest Science and Technology. ISSN: 1859-3828			5/2018 (47-56)	9/2018
24	Nghiên cứu ứng dụng ảnh viễn thám đa thời gian để phát hiện sớm mất rừng tại huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN: 1859-4581			20/2018 (101-110)	9/2018
25	Phân loại hộ và nhân tố ảnh hưởng tới thu nhập gia đình bằng phân tích đa biến tại vùng đệm VQG Ba Vì, Hà Nội	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN: 1859-4581			23/2018 (114-124)	11/2018
26	Sử dụng ảnh viễn thám Landsat và GIS xây dựng bản đồ biến động diện tích rừng tại huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	2		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. ISSN: 1859-0373			4/2018 (127-137)	12/2018
27	Sử dụng Qgis và phân tích thứ bậc (AHP) để	2	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm			2/2019	4/2019

	phân cấp nguy cơ cháy rừng tại huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên			ngiệp. ISSN: 1859-3828			(38-47)	
28	Applying spatial analysis to assess soil erosion for forest plantation at Hong Linh town, Ha Tinh province	3		Journal of Forest Science and Technology. ISSN: 1859-3828			7/2019 (88-97)	4/2019
29	Xác định tuổi khai thác tối ưu cho rừng trồng keo tai tượng tại tỉnh Thái Nguyên	4		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. ISSN: 1859-0373			2/2019 (78-89)	6/2019
30	Một số đặc điểm cấu trúc và đa dạng loài cây gỗ của rừng lá rộng thường xanh tại vườn quốc gia Ba Bể	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			3/2019 (35-45)	5/2019
31	Biến động chất lượng và đa dạng sinh học loài theo kích thước cây tại Vườn quốc gia Ba Bể, Bắc Kạn.	3	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			5/2019 (27-37)	9/2019
32	Cấu trúc, chất lượng và đa dạng sinh học các thảm thực vật tại Vườn Quốc gia Ba Vì, Hà Nội	2		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. ISSN: 1859-0373			3/2019 (3-13)	9/2019
33	Structure and biodiversity in secondary forest, central Kalimantan, Indonesia	3		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. ISSN: 1859-0373			4/2019 (119-133)	12/2019
34	Xác định mật độ thích hợp cho rừng trồng Bạch đàn PNCT3 cung cấp gỗ nguyên liệu giấy tại Phù Ninh, Phú Thọ	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			1/2020 (34-43)	3/2020
35	Đặc điểm sinh trưởng và sinh khối của rừng trồng Keo tai tượng 7 tuổi tại Yên Bái.	4		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. ISSN: 1859-0373			2/2020 (22-32)	3/2020
36	Biomass and carbon storage in an age-sequence of Acacia mangium plantation forests in Southeastern region, Vietnam	9		Forest Systems. ISSN: 2171-5068	ISI (IF: 1.411, Q2)		2 (65-80)	11/2020

37	Thành phần loài thực vật ăn được sử dụng làm thực phẩm của cộng đồng K'ho: nghiên cứu điểm tại rừng phòng hộ Nam Ban, tỉnh Lâm Đồng	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			4/2020 (97-107)	9/2020
38	Diversity of lauraceae family in hon ba nature reserve, Khanh Hoa province	3		Journal of Forest Science and Technology. ISSN: 2615-9368			9/2020 (44-52)	2/2020
39	Soil physicochemical properties and bio-available nutrients under Manglietia conifera plantation at Xuan Son National Park, Tan Son, Phu Tho	3		Journal of Forest Science and Technology. ISSN: 2615-9368			10/2020 (22-31)	10/2020
40	Biến động lượng thực vật che phủ và mối quan hệ với các nhân tố tự nhiên xã hội tại Yên Châu, Sơn La	3	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			3/2021 (31-40)	5/2021
41	Dynamics of soil chemical properties under <i>Illicium verum</i> Hook. plantation in Van Quan, Lang Son	2		Journal of Forest Science and Technology. ISSN: 2615-9368			11/2021 (38-46)	8/2021
42	Stump diameter characteristics and volume prediction for <i>Acacia mangium</i> in Ba Vi, Vietnam	4	x	Journal of Forest Science and Technology. ISSN: 2615-9368			11/2021 (28-37)	8/2021
43	Phân bố và quan hệ không gian của hai loài cây chi Dầu trong rừng tự nhiên Khu Bảo tồn thiên nhiên Núi Ông, tỉnh Bình Thuận	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			5/2021 (121-131)	7/2021
44	Đặc điểm cấu trúc không gian cây rừng tự nhiên Khu Bảo tồn thiên nhiên Núi Ông, tỉnh Bình Thuận	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			6/2021 (69-80)	10/2021
45	Characteristics of flora in Nui Chua National Park, Ninh Thuan	4		Journal of Forest Science and Technology. ISSN:			12/2021 (81-91)	12/2021

	province: A comparative study between moist and arid forests			2615-9368				
46	Cơ chế duy trì đa dạng loài cây gỗ trong rừng lá rộng thường xanh ở khu vực Ia Mor, tỉnh Gia Lai	5		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. ISSN: 1859-0373			1/2022 (1-16)	1/2022
47	Đặc điểm cấu trúc không gian và phi không gian rừng tự nhiên ở Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			1/2022 (24-35)	2/2022
48	Phân bố và quan hệ không gian của loài sến mù (Shorea roxburghii G. Don) trong rừng lá rộng thường xanh ở khu vực Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	4		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333			4 (87-98)	8/2022
49	Differences in overstorey structure and biodiversity between forest stages in Gia Lai, Vietnam	4	x	Biology Bulletin. ISSN: 1062-3590	ISI (IF: 0.46, Q3)		49 (S173–S188)	10/2022
50	Spatial Structure of the Dominant Tree Species in an Evergreen Broadleaved Forest Stand in South Vietnam	8		Biology Bulletin. ISSN: 1062-3590	ISI (IF: 0.46, Q3)		49 (S69–S82)	10/2022
51	Disentangling the Regeneration Niche of <i>Vatica odorata</i> (Griff.) Symington Using Point Pattern Analysis	5		Ecologies. ISSN: 2673-4133	Tạp chí quốc tế ngoài Scopus		3 (336-360)	8/2022
52	Allometric Relationships Among Tree-Size Variables under Tropical Forest Stages in Gia Lai, Vietnam	5	x	Ecological Questions. ISSN: 1993-0607	ISI (IF: 0.26, Q3)		3 (1-25)	12/2022
53	Tree-size variable frequency distribution modeling for tropical forests in Ba Be, Vietnam	1	x	Biology Bulletin. ISSN: 1062-3590	ISI (IF: 0.46, Q3)		49 (S135–S147)	1/2023

54	Acacia canopy structure and carbon stock in Ba Vi, Vietnam	6	x	Journal of Forest Science. ISSN: 1212-4834	ISI (IF: 0.262, Q2)	69 (21-32)	1/2023
55	Mô hình hóa phân bố tần số của các đại lượng sinh trưởng cho rừng trồng Sa mộc	1	x	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. ISSN: 1859-0373		1/2023 (46-57)	4/2023
56	Cấu trúc tầng cây cao giữa các cấp chất lượng của rừng trồng Sa mộc (<i>Cunninghamia lanceolata</i> (Lamb.) hook) tại huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	1	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828		2/2023 (35-43)	4/2023

- Trong đó: Bốn (4) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 49, 52, 53, 56:

49. Bui Manh Hung, Lynn Smith, Nguyen Thi Bich Phuong, Sven Wagner (2022). Differences in overstorey structure and biodiversity between forest stages in Gia Lai, Vietnam. *Biol Bull Russ Acad Sci* (2022). <https://doi.org/10.1134/S1062359022130064>. Tạp chí ISI, IF: 0.46, Q3. Xuất bản 10/2022.

52. Bui Manh Hung, Phung Van Khoa, Nguyen Thi Bich Phuong, Nguyen Van Quy, and Bernard Dell (2022). Allometric Relationships Among Tree-Size Variables under Tropical Forest Stages in Gia Lai, Vietnam. *Ecological Questions* 34 (2):1-25. <https://doi.org/10.12775/EQ.2023.017>. Tạp chí ISI, IF: 0.26, Q3. Xuất bản 10/2022.

53. Bui Manh Hung (2023). Tree-Size Variable Frequency Distribution Modeling for Tropical Forests in Ba Be, Vietnam. *Biology Bulletin*, 49(Suppl 2), S135-S147. <https://doi.org/10.1134/S1062359022140072>. Tạp chí ISI, IF: 0.46, Q3. Xuất bản 1/2023.

54. Bui Manh Hung, Nguyen Thi Bich Phuong, Nguyen Van Quy, Nguyen Van Hop, and Yusuf Habib (2023). Acacia canopy structure and carbon stock in Ba Vi, Vietnam. *Journal of Forest Science*, 69(1), 21-32. <https://doi.org/10.17221/46/2022-JFS>. Tạp chí ISI, IF: 0.262, Q2. Xuất bản 1/2023.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	----------------------------	------------

1					
---	--	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): **Không**

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **Không**

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **Không**

- Hướng dẫn chính HVCH:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: **Không**

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: **Không**

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: **Không**

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

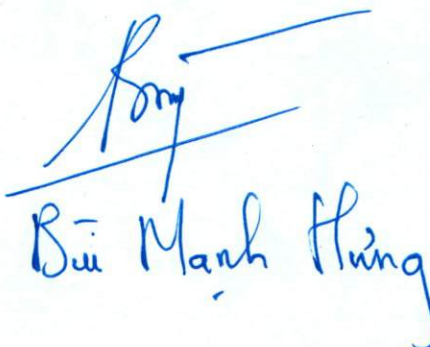
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)


Bùi Mạnh Hùng